

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày: 28/01/2022
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất và hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Hồng.
2. Ông Trần Đoàn Lĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Chí - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Trần Bùi Minh P, sinh ngày 03/01/1985 (có mặt);
- Chị Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 15/5/1987;

Cùng địa chỉ: Số 14/5A Nguyễn Văn Côn, khu phố 1, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của chị D: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Số 19/8A Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Chị Ngô Thị Cẩm V, sinh ngày 12/9/1987;

Địa chỉ: Số 24/11 Nguyễn Văn Côn, khu phố 1, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số 244/2 tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Trần Bùi Minh P, chị Nguyễn Ngọc D và đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Ngọc D là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Tháng 5/2020, vợ chồng anh P, chị D chuyển nhượng cho chị V thửa số 63, tờ bản đồ số 66, diện tích 1.580 m², đất tại khu phố 2, thị trấn V, giá chuyển nhượng là 1.050.000.000 đồng. Ngày 20/5/2020, hai bên thỏa thuận cân trừ các khoản tiền mà anh P, chị D còn nợ 740.600.000 đồng vào tiền chuyển nhượng đất (gồm tiền cầm cố đất 340.000.000 đồng, tiền vay mua đất 105.000.000 đồng, tiền thuê đất của 02 vụ lúa là 15.000.000 đồng, tiền vay 19.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ 500.000 đồng, tiền nợ 210.000.000 đồng và tiền 07 tháng lãi của số tiền 210.000.000 đồng là 51.100.000 đồng) nên chị V còn phải trả lại cho anh P, chị D 309.400.000 đồng. Sau đó, chị V chuyển tiền theo ủy nhiệm chi ngày 01/6/2020 số tiền 15.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 19/8/2020 số tiền 67.000.000 đồng và giao tiền mặt 5.000.000 đồng để trả tiền nhận chuyển nhượng đất.

Ngày 14/8/2020, hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng đất, tuy nhiên để tránh đóng thuế nhiều nên thống nhất ghi trong hợp đồng giá chuyển nhượng chỉ là 150.000.000 đồng. Ngày 09/10/2020, chị V được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh P, chị D yêu cầu chị V trả tiếp số tiền chuyển nhượng đất còn lại và trả lại các giấy nợ đã được tất toán nhưng chị V không trả và cho rằng chỉ nhận chuyển nhượng đất với giá 150.000.000 đồng, nếu muốn trả lại giấy nợ thì phải đưa thêm tiền, đồng thời chị V thả cá nuôi và trồng cây sả trên đất.

Anh P, chị D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên. Anh P, chị D trả lại số tiền đã nhận khi giao kết hợp đồng chuyển nhượng đất; chị V phải di chuyển hết cá, cây sả và trả lại đất.

Ngày 08/12/2021, anh P và chị D có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà yêu cầu chị V trả số tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ 274.000.000 đồng.

** Quá trình tố tụng bị đơn là chị Ngô Thị Cẩm V và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Lê Thị Hồng T trình bày:*

Giữa chị V và anh P, chị D có các giao dịch như sau:

- Về chuyển nhượng đất: Thống nhất ngày 14/8/2020, chị V có nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh P, chị D thửa đất như phía nguyên đơn trình bày. Chị V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã quản lý đất từ tháng 8/2020.

Tuy nhiên, giá chuyển nhượng chỉ là 150.000.000 đồng có ghi rõ trong hợp đồng đã được công chứng. Chị V đã chuyển tiền cho anh P theo ủy nhiệm chi ngày 01/6/2020 số tiền 15.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 19/8/2020 số tiền 67.000.000 đồng và ngày 19/8/2020 giao bằng tiền mặt cho chị D 5.000.000 đồng; còn lại 63.000.000 đồng chị V giao bằng tiền mặt cho anh P, chị D nhưng vì tin tưởng nhau nên không làm biên nhận. Do chị V đã trả đủ tiền nhận chuyển nhượng đất nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh P, chị D.

- Về tiền vay: Chị V cho anh P, chị D vay tiền nhiều lần cụ thể:

+ Lần 1: Vay 20.000.000 đồng, chuyển tiền cho anh P theo Ủy nhiệm chi ngày 27/12/2017.

+ Lần 2: Vay 20.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 27/12/2017.

+ Lần 3: Vay 70.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 15/01/2018.

+ Lần 4: Vay 49.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 07/02/2018.

+ Lần 5: Vay 50.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 28/02/2018.

+ Lần 6: Vay 7.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 06/3/2018.

+ Lần 7: Vay 30.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 13/3/2018.

+ Lần 8: Vay 30.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 23/3/2018.

+ Lần 9: Vay 10.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 28/3/2018.

+ Lần 10: Vay 10.800.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 30/3/2018.

+ Lần 11: Vay 1.200.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 30/3/2018.

+ Lần 12: Vay 13.500.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 10/01/2019.

+ Lần 13: Vay 10.000.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi ngày 24/01/2019.

+ Lần 14: Vay 9.600.000 đồng, chuyển tiền cho chị D theo Ủy nhiệm chi

ngày 13/02/2019.

+ Lần 15: Vay 50.000.000 đồng, chuyển tiền cho anh P theo Ủy nhiệm chi ngày 26/4/2019.

+ Lần 16: Vay 100.000.000 đồng giao bằng tiền mặt, có làm biên nhận nợ ngày 18/6/2018 do chị D ký nhận.

+ Lần 17: Vay 200.000.000 đồng giao bằng tiền mặt, có làm biên nhận nợ ngày 28/3/2019 do chị D ký nhận.

+ Lần 18: Vay 50.000.000 đồng giao bằng tiền mặt, có làm biên nhận nợ ngày 15/6/2020 do anh P ký nhận.

Tổng cộng là 731.100.000 đồng, mục đích để anh P, chị D cho vay lại, các lần vay đều thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, khi nào cần lấy vốn sẽ báo trước 02 tháng. Quá trình thực hiện anh P, chị D có trả lãi đến tháng 4/2020 nhưng không đủ, vốn chưa trả.

- Ngoài ra anh P, chị D còn nợ chị V 740.600.000 đồng là các khoản mà anh chị đã thừa nhận gồm: Tiền cầm cố đất 340.000.000 đồng, tiền vay mua đất 105.000.000 đồng, tiền thuê đất của 02 vụ lúa là 15.000.000 đồng, tiền vay 19.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ 500.000 đồng, tiền nợ 210.000.000 đồng và tiền 07 tháng lãi của số tiền 210.000.000 đồng là 51.100.000 đồng.

Chị V yêu cầu phản tố là buộc anh P, chị D cùng có nghĩa vụ trả tổng số tiền còn nợ 1.471.700.000 đồng và lãi đối với số tiền 1.420.600.000 đồng (do trừ 51.100.000 đồng là tiền lãi) với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Lê Thị Hồng T trình bày:*

- Về chuyển nhượng đất: Chị T thừa nhận các tin nhắn qua mạng Zalo do nguyên đơn cung cấp đúng là tin nhắn giữa chị V với anh P, chị D. Chị T thống nhất giá nhận chuyển nhượng đất là 1.050.000.000 đồng, trừ 740.600.000 đồng nên chị V còn nợ lại 309.400.000 đồng, tuy nhiên anh P, chị D đã đồng ý giảm nợ xuống còn 250.000.000 đồng qua tin nhắn Zalo. Sau đó, chị V trả tiền theo các ủy nhiệm chi ngày 01/6/2020 số tiền 15.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 19/8/2020 số tiền 67.000.000 đồng và ngày 19/8/2020 giao bằng tiền mặt cho chị D 5.000.000 đồng nên chị V chỉ còn nợ anh P, chị D 163.000.000 đồng.

Do trước khi chuyển nhượng anh P, chị D hứa là sẽ đóng các loại thuế và phí lên thổ cư 500 m² cho chị V nên đề nghị giảm thêm 33.000.000 đồng. Chị V đồng ý trả số tiền còn lại 130.000.000 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày xét xử là 18.922.223 đồng, tổng cộng là 148.922.223 đồng.

Khi chuyển nhượng thì anh P, chị D có hứa là tạo lối đi 1,2m bên phần đất của anh P, chị D cho chị V đi vào đất nên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và tiến

hành thẩm định tại chỗ lỗi đi mà anh P, chị D tạo là ở vị trí nào và ghi nhận trong bản án.

- Về yêu cầu phản tố thì do 740.600.000 đồng đã trừ vào tiền chuyển nhượng đất và chị V đồng ý trừ 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/6/2020 vào số tiền lãi 51.100.000 đồng (còn lại 1.100.000 đồng không yêu cầu giải quyết) nên chị V có thay đổi là chỉ yêu cầu phản tố buộc anh P, chị D cùng có nghĩa vụ trả vốn vay còn nợ 681.100.000 đồng và lãi 48.051.605 đồng, tổng cộng là 729.151.605 đồng.

** Anh Trần Bùi Minh P và đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Ngọc D là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

- Về chuyển nhượng đất: Thống nhất giảm nợ cho chị V xuống còn 250.000.000 đồng theo tin nhắn Zalo. Chị V đã trả theo các ủy nhiệm chi ngày 01/6/2020 số tiền 15.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 19/8/2020 số tiền 67.000.000 đồng và ngày 19/8/2020 giao bằng tiền mặt 5.000.000 đồng nên chị V còn nợ 163.000.000 đồng, nay đồng ý giảm thêm 33.000.000 đồng là tiền các loại thuế và phí lên đất thổ cư 500 m².

Anh P, chị D thống nhất chỉ yêu cầu chị V trả số tiền chuyển nhượng đất còn nợ 130.000.000 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày xét xử là 18.922.223 đồng, tổng cộng là 148.922.223 đồng.

- Về yêu cầu phản tố của chị V thì anh P, chị D không đồng ý.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa, hai bên đã thỏa thuận là chị V có nghĩa vụ trả cho anh P, chị D tiền chuyển nhượng đất còn nợ và lãi tổng cộng là 148.922.223 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền

sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Ngô Thị Cẩm V có nơi cư trú tại khu phố 1, thị trấn V, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất ngày 14/8/2020 chị V nhận chuyển nhượng của anh P, chị D thửa đất số 63, tờ bản đồ 66, diện tích 1580 m² với giá 1.050.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ các khoản nợ, giảm nợ và tiền đã trả thì hai bên tự thỏa thuận là chị V còn có nghĩa vụ trả cho anh P, chị D số tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ 130.000.000 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày xét xử là 18.922.223 đồng, tổng cộng là 148.922.223 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả tiền nợ vay:

Đại diện theo ủy quyền của chị V yêu cầu anh P, chị D trả 681.100.000 đồng và lãi 48.051.605 đồng, tổng cộng là 729.151.605 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình chị V cung cấp các ủy nhiệm chi có đóng dấu treo của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Tiền Giang – Phòng Giao dịch Gò Công và các giấy nợ có chữ ký của anh P, chị D. Mặc dù các giấy nợ là bản photocopy nhưng được anh P, chị D thừa nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị V thừa nhận các tin nhắn qua mạng Zalo do anh P, chị D cung cấp đúng là tin nhắn giữa chị V với anh P, chị D; đồng thời cũng thừa nhận nội D các tin nhắn gồm:

- Tin nhắn ngày 20/05/2020 (BL: 210) có đoạn có nội D ý nghĩa đúng như văn bản giải thích về các nội D tin nhắn Zalo của phía nguyên đơn (BL: 346):

“340tr (340.000.000) cầm đất, 105tr (105.000.000) đưa chị mua đất mà không mua (tức ọc ọc luôn à, mua giờ bán lời được cả 100tr rồi), tiền lúa mượn đất còn lại 2 vụ là 15tr (15.000.000), với chị còn thiếu em lâu lắm mà trả từ từ đó, chị nhớ không? Là 19tr5 (19.500.000) (đáng lý ra có 19tr mà tháng rồi chị đưa tiền lời thiếu 500, em nói để cho chị mượn đỡ, chứ hỏi sao là 19tr thì không có nhớ đâu à, chị nhớ là thiếu nhiều rồi....) tiền thiếu của chị và anh P vốn là 210tr (210.000.000) tiền lời tổng cộng là 7 tháng x 7,3tr (7.300.000) là 51tr1 (51.100.000, vậy là tính tổng 340 + 105 + 15 + 19,5 + 210 + 51,1 = 740,6 triệu (340.000.000 + 105.000.000 + 15.000.000 + 19.500.000 + 210.000.000 + 51.100.000 = 740.600.000) 1050 triệu trừ 740,6 triệu = 309,4 triệu (1.050.000.000 - 740.600.000 = 309.400.000). Em còn thiếu lại chị đó chị, tính chẵn 300 (300.000.000) đi nha!”

- Tin nhắn ngày 17/9/2020 (BL: 315) có những đoạn có nội D ý nghĩa đúng như văn bản giải thích về các nội D tin nhắn Zalo của phía nguyên đơn (BL: 343):

+ “Em nè tiền trả rồi sao không đưa giấy gốc vậy em.

Tính lấy để lại lấy nữa hả.”

+ “Nè hèn em chiều nay gặp ngay nhà chị đem tất cả giấy tờ tính đâu vào đó hết nha. Trả rồi lấy đất rồi mà em không trả giấy tờ cho chị là sao”.

Anh P, chị D trình bày giữa anh chị và chị V có rất nhiều giao dịch mua bán, hui và vay từ năm 2017 đến năm 2020. Trong thời gian này, khi thì hai bên giao nhận tiền và làm giấy tờ trực tiếp, nhưng cũng có lúc chị V chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng nhiều lần rồi sau đó mới gom lại làm giấy tờ (là các ủy nhiệm chi, các giấy vay tiền và giấy cầm cố đất mà chị V giao nộp). Khi nợ nhiều thì anh chị chuyển nhượng đất cho chị V để trừ nợ. Phía chị V thì cho rằng số tiền theo yêu cầu phản tố là những giao dịch khác với số tiền mà chị V đồng ý trừ vào tiền nhận chuyển nhượng đất. Tuy nhiên, tin nhắn ngày 20/05/2020 ngoài số tiền cầm cố đất thì chị V không có giấy tờ gì thể hiện anh P, chị D có nợ những khoản tiền này; ngay cả số tiền 340.000.000 đồng cầm cố phần đất 3.600 m² có làm giấy tay thì chị V cũng không chứng minh được trên thực tế anh P, chị D có phần đất diện tích như vậy.

Thấy rằng, mặc dù anh P, chị D thừa nhận số tiền mà chị V nhắn tin ngày 20/05/2020, nhưng toàn bộ số tiền theo nội D tin nhắn này là do chị V tự tính toán các tất cả các khoản nợ kể cả tiền lãi để trừ vào tiền nhận chuyển nhượng đất. Sau khi tất toán thì chị V xác định còn nợ lại anh P, chị D và thực tế chị V vẫn tiếp tục trả tiền cho anh P, chị D sau đó. Do chị V không trả lại giấy nợ đã tất toán nên ngày 17/9/2020 chị D nhắn tin với nội D nêu trên để đòi lại tất cả giấy tờ hai bên đã giao dịch. Nhận được tin nhắn chị V không có ý kiến gì thể hiện các giấy tờ nợ mà chị V đang giữ là những giao dịch khác với số tiền mà chị V đồng ý trừ vào tiền nhận chuyển nhượng đất.

Từ những phân tích trên có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định các khoản nợ của anh P, chị D đối với chị V trước ngày 20/05/2020 kể cả tiền lãi đã được thanh toán xong bằng cách căn trừ vào tiền chị V nhận chuyển nhượng đất. Do đó, chị V yêu cầu phản tố buộc anh Phúc, chị D trả tiền theo các ủy nhiệm chi và giấy nợ trước ngày 20/05/2020 là không được chấp nhận.

Đối với số nợ 50.000.000 đồng của anh P, chị D theo giấy mượn tiền ngày 15/6/2020, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của chị V đồng ý trừ vào số tiền đã tính lãi 51.100.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị V cho rằng khi chuyển nhượng thì anh P, chị D có hứa là tạo lối đi 1,2m bên phần đất của anh P, chị D cho chị V đi vào đất và đề nghị tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thẩm định tại chỗ lối đi mà anh P, chị D tạo là ở vị trí nào và ghi nhận trong bản án. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu này của phía bị đơn đã vượt quá phạm vi yêu cầu phản

tổ ban đầu nên không xem xét trong vụ án này mà chị V phải khởi kiện bằng vụ án khác để được xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

- Yêu cầu của anh P, chị D được chấp nhận toàn bộ nên chị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu phản tố của chị V không được chấp nhận toàn bộ nên chị V phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 500, 463, 466 và 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bùi Minh P và chị Nguyễn Ngọc D.

Buộc chị Ngô Thị Cẩm V có nghĩa vụ trả cho anh Trần Bùi Minh P và chị Nguyễn Ngọc D số tiền 148.922.223 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Ngô Thị Cẩm V về việc yêu cầu anh Trần Bùi Minh P, chị Nguyễn Ngọc D cùng có nghĩa vụ trả tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 729.151.605 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm lẻ năm đồng).

3. Về án phí:

- Anh Trần Bùi Minh P, chị Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016899 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

- Chị Ngô Thị Cẩm V phải nộp 7.446.111 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 33.166.064 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.358.086 đồng theo biên lai thu số 0016961 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị V còn phải nộp tiếp 11.254.089 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn không trăm tám mươi chín đồng).

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Bùi Minh P, chị Nguyễn Thị Mỹ H và chị Ngô Thị Cẩm V được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú

